

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 -6-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hanh.

2. Ông Nguyễn Đình La.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 12/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị bắt gặp anh T sử dụng ma túy nên đã khuyên can thì bị anh đánh đập nhiều lần, vì vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 10/11/2020 cho đến nay. Nay chị

xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 23/9/2014, cháu Nguyễn Đức K1, sinh ngày 21/7/2016 và cháu Nguyễn Bảo K2, sinh ngày 04/6/2019, hiện các cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu vì lý do anh T thường xuyên không có mặt ở nhà nên không chăm sóc, nuôi dưỡng được các con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06/1/2021 anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do chị H có quan hệ với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên ngăn nhưng chị H không thay đổi nên đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận có ba người con chung và hiện các cháu đang ở cùng với chị H. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD: Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Cho chị H được ly hôn với anh T. Giao 03 cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 23/9/2014, cháu Nguyễn Đức K1, sinh ngày 21/7/2016 và cháu Nguyễn Bảo K2, sinh ngày 04/6/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đào Thị H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú thôn P, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

Chị H và anh T có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, không ai bị lừa dối hay bị cưỡng ép kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu có mâu thuẫn và hiện tại không còn chung sống cùng nhau. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị H do anh T có sử dụng ma túy và nhiều lần đánh đập chị, còn theo anh T nguyên nhân là do chị H có quan hệ với người khác. Tại bản tự khai anh T không đồng ý ly hôn với chị H nhưng khi Tòa án tiến hành giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T nhận đọc văn bản sau đó lại từ chối nhận với lý do đã đến Tòa án làm việc một lần. Như vậy, bản thân anh T đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và viết bản tự khai tại Tòa án, biết việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh, mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để hòa giải hay có biện pháp gì để thay đổi tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 23/9/2014, Nguyễn Đức K1, sinh ngày 21/7/2016 và cháu Nguyễn Bảo K2, sinh ngày 04/6/2019, hiện các cháu do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thì Ủy ban nhân dân xã cung cấp anh T thường xuyên vắng mặt ở nhà, đi đâu và làm gì địa phương không biết. Như vậy, xét về điều kiện sinh hoạt, mức thu nhập của chị H, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cả ba cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3]. Về tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 23/9/2014, Nguyễn Đức K1, sinh ngày 21/7/2016 và cháu Nguyễn Bảo K2, sinh ngày 04/6/2019 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0001511 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Đương sự.
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoài

